



Đại từ nhân xưng

Mọi dạng, cùng quy tắc н- biến đổi chúng sau giới từ.

Bảng đầy đủ

Cách	tôi	bạn (số ít)	anh ấy / nó	cô ấy	chúng tôi	các bạn (số nhiều / lịch sự)	họ
Danh.	я	ты	он / оно	она	мы	вы	они
Đối.	меня	тебя	его	ее	нас	вас	их
Sinh.	меня	тебя	его	ее	нас	вас	их
Tặng.	мне	тебе	ему	ей	нам	вам	им
Công cụ.	мною	тобой	им	ей / ею	нами	вами	ими
Giới.	мне	тебе	нем	ней	нас	вас	них

Đối cách và sinh cách giống hệt nhau ở mọi đại từ nhân xưng – bớt được một thứ phải học.

Quy tắc н-

Đại từ ngôi thứ ba (он, она, они) thêm н- ở đầu khi đứng sau giới từ. Đây là điểm dễ nhận thấy nhất của đại từ tiếng Nga trong văn bản thật, và nó chỉ xảy ra sau giới từ.

Sau giới từ - nhận н-	Không có giới từ - không có н-
у него - ở chỗ anh ấy / anh ấy có	Я вижу его. - Tôi thấy anh ấy.
к ней - đến chỗ cô ấy	Я помогаю ей. - Tôi giúp cô ấy.
с ними - cùng họ	Я знаю их. - Tôi biết họ.
о нем - về anh ấy / về nó	Я жду ее. - Tôi đang đợi cô ấy.

Thử nhanh

Trước nó có giới từ ngay không? Nếu có, nó bắt đầu bằng н-. Nếu không, thì không. его / него, ей / ней, их / них – cùng một đại từ, và giới từ là tác nhân duy nhất.

ТЫ VÀ ВЫ

Dạng	Dùng cho	Ví dụ
ты	Một người bạn biết rõ – bạn bè, gia đình, trẻ con	Как ты? – Bạn thế nào?
вы	Nhiều người, hoặc một người theo kiểu lịch sự	Как вы? – Các bạn thế nào?

Với вы số ít lịch sự, động từ vẫn ở dạng số nhiều: Вы уже читали эту книгу? Viết hoa Вы có thể thể hiện sự tôn trọng trong thư từ trang trọng; вы viết thường là bình thường ở mọi nơi khác.

Những tổ hợp bạn sẽ gặp liên tục

Cụm từ	Nghĩa là	Ghi chú
у меня есть	tôi có	nghĩa đen “ở chỗ tôi thì có” – tiếng Nga không có động từ “có”
у него / у неё	anh ấy có / cô ấy có	quy tắc н- ở dạng thường gặp nhất
мне нужно	tôi cần	tặng cách – người cần đặt ở tặng cách
мне нравится	tôi thích	nghĩa đen “với tôi thì thích”
со мной	cùng tôi	c thành co trước một số cụm phụ âm